

Số: ~~59~~ 231 /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung ngân sách có mục tiêu năm 2016 cho các huyện, thành phố để thực hiện chi hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi theo Quyết định 239/QĐ-TTg và số 60/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (đợt 2)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 01/2002/QH11, ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP, ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước; Thông tư số 59/2003/TT-BTC, ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010-2015 và Thông tư liên tịch số 29/2011/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/7/2011 của Liên Bộ Giáo dục & Đào tạo - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chi trả hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 5 tuổi ở các cơ sở giáo dục mầm non theo quy định tại Quyết định số 239/QĐ-TTg;

Căn cứ Quyết định 60/2011/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2011-2015 và Thông tư liên tịch số 09/2013/TTLT-BGDĐT-BTC-BNV ngày 11 tháng 3 năm 2013 của Liên bộ: Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chi hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non theo quy định tại Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Công văn số 2417/TTg-KGVX ngày 31/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc kéo dài việc thực hiện một số chính sách đối với trẻ em và giáo viên mầm non;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 542/TTr-STC ngày 13/12/2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung ngân sách có mục tiêu năm 2016 cho các huyện, thành phố, với số tiền 25.723.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ, bảy trăm hai mươi ba triệu đồng) từ nguồn kinh phí ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu tại văn bản số

14615/BTC-NSNN ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính và nguồn kinh phí chuyển nguồn từ năm 2015 sang năm 2016 tại Quyết định số 780/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 của UBND tỉnh, để thực hiện chi hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi theo Quyết định số 239/QĐ-TTg và 60/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn các huyện, thành phố.

(Chi tiết bổ sung kinh phí cho các huyện, thành phố như phụ lục kèm theo).

Các huyện, thành phố được bổ sung có mục tiêu trên, sử dụng nguồn kinh phí được bổ sung và nguồn kinh phí còn tồn tại ngân sách huyện, thành phố để thực hiện chi hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn các huyện, thành phố theo quy định.

Riêng huyện Ea Kar và thị xã Buôn Hồ sử dụng nguồn kinh phí còn tồn tại ngân sách huyện, thị xã để tiếp tục thực hiện chi hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn huyện, thị xã theo quy định.

Điều 2. UBND các huyện, thành phố rút kinh phí bổ sung có mục tiêu trên tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để triển khai thực hiện. Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích và thanh, quyết toán theo chế độ quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT. (Ch 50b)



CHỦ TỊCH
Phạm Ngọc Nghị

PHỤ BIỂU BỔ SUNG NGÂN SÁCH CÓ MỤC TIÊU NĂM 2016
CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ ĐỂ THỰC HIỆN HỖ TRỢ
TRƯA CHO TRẺ EM MẪU GIÁO TỪ 3 ĐẾN 5 TUỔI THEO
QUYẾT ĐỊNH 239/QĐ-TTG VÀ 60/2011/QĐ-TTG (ĐỢT 2)
Kèm theo Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk

DVT: triệu đồng

STT	Huyện, Thành phố	Kinh phí bổ sung	Ghi chú
	Tổng cộng	25.723	
1	Tp. Buôn Ma Thuột	2.556	
2	Huyện Krông Bông	2.205	
3	Huyện Krông Búk	32	
4	Huyện Buôn Đôn	1.170	
5	Huyện Ea H'Leo	2.449	
6	Huyện Cư M'Gar	3.312	
7	Huyện Krông Pắc	4.266	
8	Huyện Cư Kuin	2.671	
9	Huyện Lắk	393	
10	Huyện Krông Ana	1.736	
11	Huyện Krông Năng	2.143	
12	Huyện Ma Đrăk	1.530	
13	Huyện Ea Súp	1.260	

